

NỘI DUNG HỌC TẬP TẠI NHÀ
Trong thời gian học sinh được nghỉ do dịch Covid – 19
TUẦN 3 (TỪ 20/09/2021 ĐẾN 24/9/2021)

1. MÔN: TIẾNG ANH 9

TIẾT 5 : UNIT 1: A VISIT FROM A PEN PAL - WRITE

A. LÝ THUYẾT

warm-up



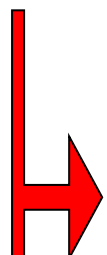
Have you ever written a letter?
Who do you write to?
What do you write about?

What are the parts of a personal letter?

- A: Heading - Writer's address and the date
- B: Opening - Dear,...
- C: Body of the letter
- D: Closing - Your friend/ Regard/ Love

WRITE:

Imagine you are visiting your relatives or friends in another part of Viet Nam or a different country. Write a letter to your family. Follow the outline.

<i>Dear Mum,</i>		opening
<i>I arrived in Hue yesterday morning. Uncle Tam met me at the train station and took me home by motorbike.</i>		introduction
<i>Hue is rather hot this season. Cousin Chi and I have taken a boat trip along the Huong River, and we have visited Thien Mu Pagoda. Then we have enjoyed Hue's pan cakes at Thuong Tu. I have bought some jelly-like candy ("me xung" as people here call it). We'll go to Lang Co tomorrow to have a swim.</i>		Main parts (what she did / visited / ate / bought)

*I feel quite comfortable here,
although I miss you and Dad very
much. The people are very
hospitable, and the food is delicious
– I like all kinds of food here. I'll
come back home next Sunday.
Please pick me up at the train
station at around 2 p.m.*

With love

Nga



Concluding comment (impressions, likes,
when to come back home)



ending

First paragraph:

- Who did you visit?
I visited
- Where does she/he live?
She/He lived
- How did you go there?
I went there
- When did you arrive?
I arrived
- Who met you at the bus/ train station/ airport?
.met me at the bus/ train station/ airport.

Second paragraph:

- What places have you visited?
I have visited
- What food have you tried?
I have tried . . . (pancake, stuffed pancake ...)
- Who did you meet?
I met
- What things have you bought?
I have bought

Third paragraph

- **How do you feel?**
I feel. . . . (happy, disappointed)
- **What do you enjoy most?**
I enjoy (people, places, activities)
- **When will you leave there/ return home?**
I will leave there/ return home

Suggested letter

26 Nguyen Tri Phuong, Da Nang
June 15, 2009

Dear Mom and Dad,

I arrived at Da Nang airport at 8 am on Tuesday. Nam and his sister met me at the airport, then they took me home by taxi.

I have visited many places like the beaches, the Cham Museum, Marble Mountains, supermarkets, the water park, ect. I have tried different foods: seafood, Da Nang speciality...

I will visit Hoi An and My Son tomorrow.

I feel so happy and enjoy myself so much. The people here are so nice and friendly, the food are so delicious, and the sights are so beautiful.

I will leave Da Nang at 2am on Sunday and I will arrive home at 5 pm. Please pick me up at the airport.

Your son,

Minh

B. THỰC HÀNH: Học sinh hoàn thành các bài tập dưới đây

WRITE:

a. Very happy / get / your mail.

I'm very happy to get your mail.

b. I / back / from / holiday / countryside.

I have been back from a holiday to the countryside

c. It / one / most / interesting / trip / have.

It was one of the most interesting trip I have ever

d. I / play / lots / traditional games / eat / fresh fruit

I played lots of traditional games and ate lots of fresh

e. What / you? / nice / weekend?.

What about you? Did you have a nice weekend?

f. Please / write back / me /soon / possible.

Please write back to me as soon as possible.

➤ **TIẾT 6 : UNIT 1: A VISIT FROM A PEN PAL – LANGUAGE FOCUS**

A. LÝ THUYẾT

I. PAST SIMPLE :

1. Cách dùng :

Cách dùng	Ví dụ
Diễn đạt một hành động xảy ra một, một vài lần hoặc chưa bao giờ xảy ra trong quá khứ	He visited his parents every weekend. She went home every Friday.
Diễn đạt các hành động xảy ra liên tiếp trong quá khứ	She came home, switched on the computer and checked her e-mails. She turned on her computer, read the message on Facebook and answered it.
Diễn đạt một hành động xen vào một hành động đang diễn ra trong quá khứ	When I was having breakfast, the phone suddenly rang . When I was cooking, my parents came .
Dùng trong câu điều kiện loại II	If I had a million USD, I would buy that car. If I were you, I would do it.

2. Adverbial of time (trạng từ chỉ thời gian)

- Ago : cách đây
- Last : đã qua, trước
- Yesterday : ngày hôm qua
- In this morning : sáng nay
- When : khi nào

3. Formation (công thức)

<ul style="list-style-type: none"> • Khẳng định: S + was/ were <p>CHÚ Ý: S = I/ He/ She/ It (số ít) + was S= We/ You/ They (số nhiều) + were</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Khẳng định: S + V-ed
--	---

<p>• Phủ định: S + was/were not + V (nguyên thể) Đối với câu phủ định ta chỉ cần thêm “not” vào sau động từ “to be”. CHÚ Ý: – was not = wasn’t – were not = weren’t</p>	<p>• Phủ định: S + did not + V (nguyên thể)</p>
---	--

<p>• Câu hỏi: Was/Were + S + V(nguyên thể)? Trả lời: Yes, I/ he/ she/ it + was. – No, I/ he/ she/ it + wasn’t Yes, we/ you/ they + were. – No, we/ you/ they + weren’t. Câu hỏi ta chỉ cần đảo động từ “to be” lên trước chủ ngữ.</p>	<p>• Câu hỏi: Did + S + V(nguyên thể)?</p>
---	---

NOTE :

+ Động từ có **MỘT âm tiết**, tận cùng là **MỘT phụ âm**, trước phụ âm là **MỘT nguyên âm** -> ta nhân đôi phụ âm cuối rồi thêm “-ed”.

Ví dụ: stop – stopped/ shop – shopped/ tap – tapped

NGOẠI LỆ: commit – committed/ travel – travelled/ prefer – preferred

+ Động từ tận cùng là “y”:

– Nếu trước “y” là **MỘT nguyên âm** (a,e,i,o,u) ta cộng thêm “ed”.

II. WISH CLAUSE

I. Wish + To.V

II. S1 + Wish + S2 + V2/ed

III. Biến đổi từ câu thường sang câu mệnh đề Wish

Bước 1 : đổi thể

Bước 2 : đổi thì (thì quá khứ đơn)

EX : Tom doesn’t meet Mary

Tom wishes _____

Bước 1 : Tom meets Mary

Bước 2 : Tom met Mary

→ Tom wishes he met Mary

B. THỰC HÀNH

EXERCISE

Bài 1: Cho dạng đúng của động từ trong ngoặc.

1. My sister (get) _____ married last month.

2. Daisy (come) _____ to her grandparents' house 3 days ago.
3. My computer (be) _____ broken yesterday.
4. He (buy) _____ me a big teddy bear on my birthday last week.
5. My friend (give) _____ me a bar of chocolate when I (be) _____ at school yesterday.
6. My children (not do) _____ their homework last night.
7. _____ You (live) _____ here five years ago?
8. They (watch) _____ TV late at night yesterday.
9. _____ Your friend (be) _____ at your house last weekend?
10. They (not be) _____ excited about the film last night.

Bài 2: Chọn đáp án đúng (A, B, C hoặc D) để điền vào chỗ trống.

1. They _____ the bus yesterday.
 A. don't catch B. weren't catch C. didn't catch D. not catch
2. My sister _____ home late last night.
 A. comes B. come C. came D. was come
3. My father _____ tired when I _____ home.
 A. was – got B. is – get C. was – getted D. were – got
4. What _____ you _____ two days ago?
 A. do – do B. did – did C. do – did D. did – do
5. Where _____ your family _____ on the summer holiday last year?
 A. do – go B. does – go C. did – go D. did – went

Bài 3. Put the verb in the correct form

1. I wish he here now. (be)
2. She wishes you better. (feel)
3. I wish that you here tonight (be)
4. I wish he he work tonight. (finish)
5. We wish you tomorrow. (come)

Bài 4. Transformation :

1. I have to study hard.
 -> I wish
2. We have a lot of homework
 -> I wish
3. It is raining heavily.
 -> I wish
4. It is cold every night. .
 -> I wish
5. They work slowly.
 -> I wish

2. MÔN: TIN HỌC 9

Bài 3: TỔ CHỨC VÀ TRUY CẬP THÔNG TIN TRÊN INTERNET

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

1. Tổ chức thông tin trên internet

a/. Siêu văn bản và trang web

- SVB: Là dạng văn bản tích hợp nhiều dạng dữ liệu khác nhau và siêu liên kết đến văn bản khác.

- Trang web: là một siêu văn bản được gán địa chỉ truy cập trên Internet.

Thông tin trên internet thường được tổ chức dưới dạng các trang web. Mỗi trang web có địa chỉ truy cập riêng.

b/. Website, địa chỉ website và trang chủ

- Website là nhiều trang web liên quan được tổ chức dưới 1 địa chỉ.

- Một hoặc nhiều trang web liên quan được tổ chức dưới một địa chỉ truy cập chung tạo thành một website.

- Trang chủ là trang web đầu tiên được mở ra.

VD về các Website: Vietnamnet.vn, vi.wikipedia.org, www.moet.gov.vn, ...

2. Truy cập web

a/. Trình duyệt web

Là phần mềm được dùng để truy cập các trang web. Vd: Chrome, Cốc cốc, FireFox, Opera...

b/. Truy cập trang web

- Nhập địa chỉ trang web vào ô địa chỉ

- Nhấn enter.

3. Tìm kiếm thông tin trên internet

a/. Máy tìm kiếm

Là công cụ hỗ trợ tìm kiếm thông tin trên internet theo yêu cầu của người dùng.

b/. Sử dụng máy tìm kiếm

- Truy cập vào máy tìm kiếm

- Gõ từ khóa vào ô dành để nhập từ khóa

- Nhấn phím Enter hoặc nhấp nút tìm kiếm

B. LUYỆN TẬP: Học sinh hoàn thành các bài tập dưới đây

1. Mức độ thông hiểu:

Bài tập 1: Website nào sau đây có chức năng chính là tìm kiếm thông tin? Hãy chọn phương án trả lời hợp lý và chia sẻ, so sánh với các nhóm khác:

A. www.yahoo.com

B. dantri.com.vn

C. Coccoc.com.

D. www.bing.com

2. Mức độ vận dụng:

Bài tập 2: Em có nhận xét gì về sự khác nhau của 2 kết quả tìm kiếm với 2 câu lệnh: “Ngô Bảo Châu” và “Ngo Bao Chau”

3. Vận dụng nâng cao:

Bài tập 3: Người thân của em tham gia chương trình trò chơi truyền hình” Ai là triệu phú” có một câu hỏi cần sự trợ giúp của em như sau:

Thư viện nào được xem là lớn nhất thế giới?

- A. Thư viện quốc hội Mỹ.
- B. Thư viện Hoàng gia Anh.
- C. Thư viện quốc gia Nga.
- D. Thư viện quốc gia Pháp.

Em chưa biết đáp án câu hỏi này nhưng em có máy tính và mạng Internet với thời gian 30 giây để nghe câu hỏi và trả lời. Vậy em sẽ làm như thế nào để tìm câu trả lời trợ giúp người thân.

DẶN DÒ:

-Học bài 3

-Trả lời câu hỏi luyện tập

-Tuần 4 không học online, HS tự làm bài TH1 trên máy tính.

-----**HẾT**-----

3. MÔN: HÓA HỌC 9

NỘI DUNG TRỌNG TÂM TUẦN 3 – Chủ đề 2: ACID (AXIT)

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

I. Gọi tên và phân loại Acid (Axit):

CTHH Acid	Tên tiếng việt	Tên IUPAC
HCl	Axit clohidric	Hydrochloric acid
HBr	Axit bromhidric	Hydrobromic acid
H ₂ S	Axit sunfuhidric	Hydrosulfuric acid
H ₂ SO ₄	Axit sunfuric	Sulfuric acid
H ₂ CO ₃	Axit cacbonic	Carbonic acid
HNO ₃	Axit nitric	Nitric acid
H ₃ PO ₄	Axit photphoric	Phosphoric acid
H ₂ SO ₃	Axit sunfuro	Sulfurous acid

Dựa vào tính chất hóa học, Acid (Axit) được phân thành 2 loại:

- Acid mạnh: HCl, HNO₃, H₂SO₄,...
- Acid yếu: H₂S, H₂CO₃, H₂SO₃,...

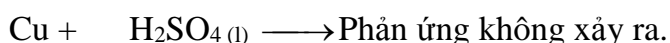
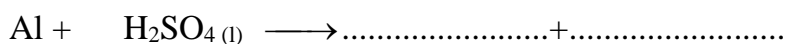
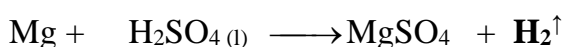
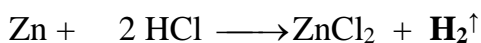
II. Tính chất hoá học của Acid:

1. Acid (axit) làm đổi màu chất chỉ thị: quỳ tím hóa ĐỎ.

2. Acid (axit) tác dụng với một số kim loại:



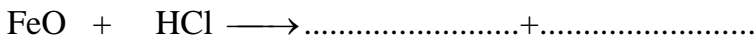
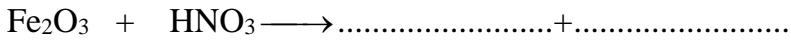
(Lưu ý: chỉ có các Kim loại đứng trước H như Mg, Al, Zn, Fe (II),... mới tác dụng với dd axit)



Ag + HCl → Phản ứng không xảy ra.

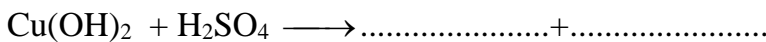
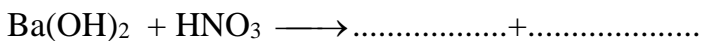
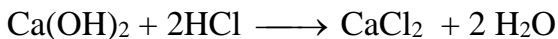
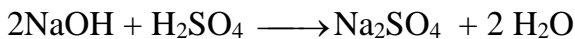
3) Acid (axit) tác dụng với Basic oxide (Oxit bazơ)

Acidic solution (dung dịch axit) + Basic oxide (Oxit bazơ) → muối + nước (học rồi)



4) Acid (axit) tác dụng với Base:

Acidic solution (dung dịch axit) + Base → muối + nước

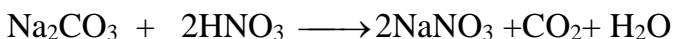
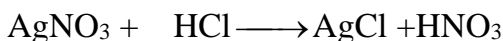
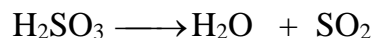
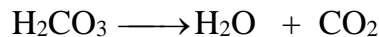


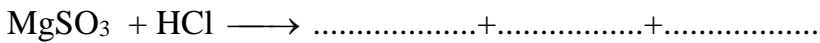
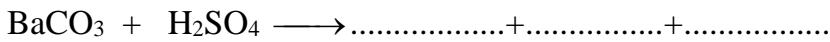
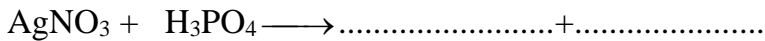
- Lưu ý: Phản ứng giữa Acid và Base (tan) là phản ứng trung hòa.

5) Acid (axit) tác dụng với muối:

Acidic solution (dd axit) + muối → muối (mới) + Acid (mới)

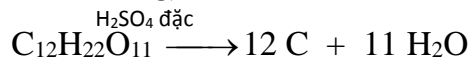
Lưu ý: khi acid mới là acid yếu như H₂CO₃ và H₂SO₃ thì sẽ bị phân hủy:





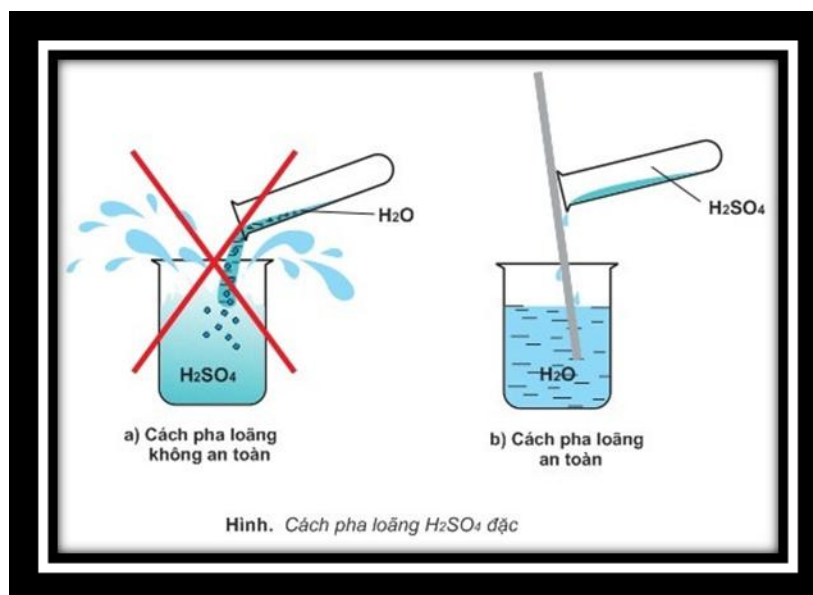
6) H₂SO₄ đậm đặc có TCHH đặc biệt:

a/ Tính háo nước: (nhỏ H₂SO₄ đặc vào đường)

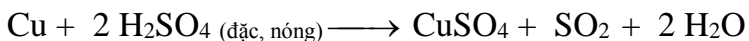
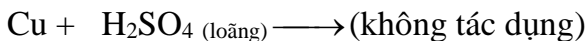
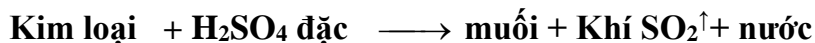


Hiện tượng: Đường bị phân hủy thành than và hơi nước.

- **Lưu ý: Cách pha dd H₂SO₄ loãng từ H₂SO₄ đặc:** Nhỏ từ từ H₂SO₄ đặc vào cốc nước.
Không làm ngược lại vì H₂SO₄ đặc háo nước sẽ gây nguy hiểm.



b. H₂SO₄ đậm đặc tác dụng với kim loại:



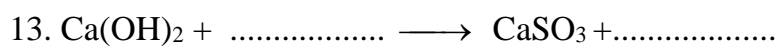
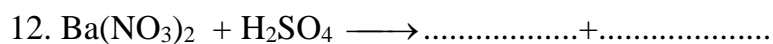
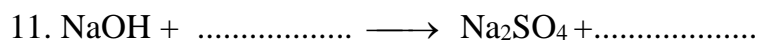
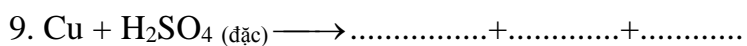
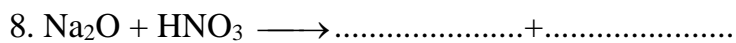
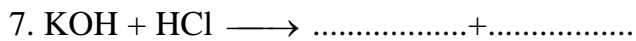
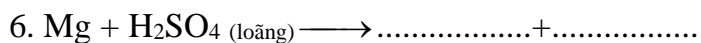
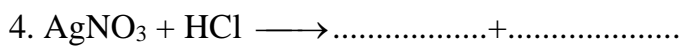
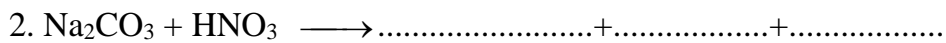
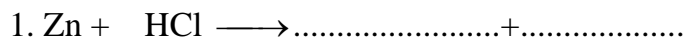
Hiện tượng: Cu tan, sinh ra dung dịch màu xanh, giải phóng khí SO₂ không màu, có mùi hắc, độc.

- **Lưu ý:** Ngoài kim loại Cu, H₂SO₄ đặc còn tác dụng với nhiều kim loại khác (trừ Au, Pt) không giải phóng khí H₂.

Hướng dẫn:

- Hướng dẫn HS tự học Bài 4: Mục A và Mục B.II.1.
- Hướng dẫn HS Bài 4: Mục B.III và IV.

B. Luyện tập: Bổ túc PTHH sau:



-----**HẾT**-----

4A. MÔN: TOÁN. ĐẠI SỐ 9

§4. LIÊN HỆ GIỮA PHÉP CHIA VÀ PHÉP KHAI PHƯƠNG

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

1. Định lí

Với $A \geq 0, B \geq 0$, ta có:

$$\sqrt{\frac{A}{B}} = \frac{\sqrt{A}}{\sqrt{B}}$$
$$\frac{\sqrt{A}}{\sqrt{B}} = \sqrt{\frac{A}{B}}$$

2. Áp dụng

a) Quy tắc khai phương một thương

* Muốn khai phương một thương $\frac{a}{b}$, trong đó số a không âm và số b dương, ta có thể lần lượt khai phương số a và số b, rồi lấy kết quả thứ nhất chia cho kết quả thứ hai

Ví dụ 1. Tính:

$$\begin{aligned} \text{a) } & \sqrt{\frac{225}{256}} \\ &= \frac{\sqrt{225}}{\sqrt{256}} \\ &= \frac{15}{16} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } & \sqrt{\frac{1}{4} : \frac{25}{81}} \\ &= \sqrt{\frac{1}{4} : \frac{25}{81}} \\ &= \frac{1}{2} : \frac{5}{9} \\ &= \frac{9}{10} \end{aligned}$$

Ví dụ 2. Tính hoặc rút gọn:

$$\begin{aligned} \text{a) } & \sqrt{\frac{16}{169}} \\ &= \frac{\sqrt{16}}{\sqrt{169}} \\ &= \frac{4}{13} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } & 6b\sqrt{\frac{a^4}{9b^2}} \text{ với } b < 0 \\ &= 6b \cdot \frac{\sqrt{a^4}}{\sqrt{9b^2}} \\ &= 6b \cdot \frac{|a^2|}{3|b|} \\ &= 6b \cdot \frac{a^2}{-3b} \text{ (Vì: } a^2 \geq 0 ; b < 0) \\ &= -2a^2 \end{aligned}$$

b) Quy tắc chia hai căn bậc hai

* Muốn chia căn bậc hai của số a không âm cho căn bậc hai của số b dương, ta có thể chia số a cho số b rồi khai phương kết quả đó

Ví dụ 3. Tính hoặc rút gọn:

$$\begin{aligned} \text{a) } & \frac{\sqrt{80}}{\sqrt{5}} \\ &= \sqrt{\frac{80}{5}} \\ &= \sqrt{16} \\ &= 4 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } & \frac{\sqrt{27a}}{\sqrt{3a}} \text{ với } a > 0 \\ &= \sqrt{\frac{27a}{3a}} \text{ (Với } a > 0) \\ &= \sqrt{9} \\ &= 3 \end{aligned}$$

Ví dụ 4. Tính hoặc rút gọn:

$$\begin{aligned} \text{a) } & \sqrt{\frac{25}{16}} : \sqrt{2\frac{4}{16}} \\ &= \sqrt{\frac{25}{16}} : \sqrt{\frac{36}{16}} \\ &= \sqrt{\frac{25}{16} : \frac{36}{16}} \\ &= \sqrt{\frac{25}{36}} \\ &= \frac{5}{6} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } & \frac{\sqrt{2ab^2}}{\sqrt{162}} \text{ với } a \geq 0 \\ &= \sqrt{\frac{2ab^2}{162}} \\ &= \sqrt{\frac{ab^2}{81}} \\ &= \frac{\sqrt{a} \cdot |b|}{\sqrt{81}} \\ &= \frac{\sqrt{a} \cdot |b|}{9} \end{aligned}$$

B. LUYỆN TẬP: Học sinh hoàn thành các bài tập dưới đây

Bài 1. Tính:

$$\text{a) } \sqrt{\frac{289}{225}} ; \quad \text{b) } \sqrt{2\frac{14}{25}} ; \quad \text{c) } \sqrt{\frac{49}{16}} ; \quad \text{d) } \sqrt{3\frac{1}{16}}$$

Bài 2. Tính:

$$\text{a) } \frac{\sqrt{2}}{\sqrt{18}} ; \quad \text{b) } \frac{\sqrt{15}}{\sqrt{735}} ; \quad \text{c) } \frac{\sqrt{0,4}}{\sqrt{0,9}} ; \quad \text{d) } \frac{\sqrt{320}}{\sqrt{20}}$$

Bài 3. Rút gọn các biểu thức sau:

$$\text{a) } \frac{\sqrt{2ab^4}}{\sqrt{50}} \text{ với } a > 0$$

$$\text{b) } \frac{\sqrt{2ab^2}}{\sqrt{162}} \text{ với } a \geq 0$$

$$\text{c) } \sqrt{\frac{(x-1)^2}{16}} \text{ với } x \geq 1$$

$$\text{d) } \sqrt{\frac{x^4}{(a-1)^2}} \text{ với } a < 1$$

4B. MÔN: TOÁN 9- HÌNH HỌC

Bài 2: TỶ SỐ LƯỢNG GIÁC CỦA GÓC NHỌN

A. LÝ THUYẾT :

Nhắc lại : - Trong tam giác vuông ,ngoài góc vuông hai góc còn lại gọi là góc nhọn.
- Trong tam giác vuông hai góc nhọn phụ nhau (cộng lại bằng 90^0)

1. Khái niệm tỉ số lượng giác của một góc nhọn. (SGK/72)

ΔABC vuông tại A

BC là cạnh huyền

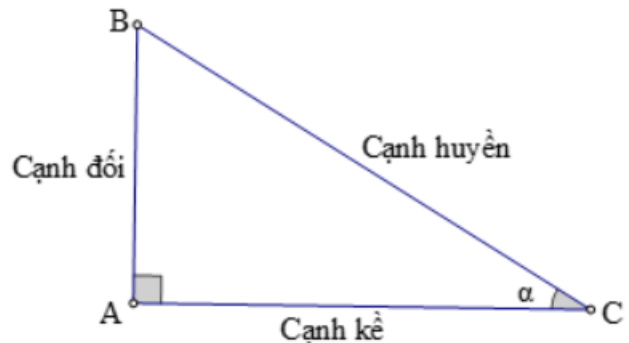
AB là cạnh đối của \hat{C}

AC là cạnh kề của \hat{C}

α là số đo của \hat{C}

Tỉ số giữa 2 cạnh trong tam giác vuông gọi là tỉ số lượng giác trong tam giác vuông đó

Ký hiệu



$$\sin \alpha = \frac{\text{cạnh đối}}{\text{cạnh huyền}}$$

$$\cos \alpha = \frac{\text{cạnh kề}}{\text{cạnh huyền}}$$

$$\tan \alpha = \frac{\text{cạnh đối}}{\text{cạnh kề}}$$

$$\cot \alpha = \frac{\text{cạnh kề}}{\text{cạnh đối}} \quad \left(= \frac{1}{\tan \alpha} \right)$$

VD : ΔABC vuông tại A có $\hat{C} = \alpha$; $\hat{B} = \beta$

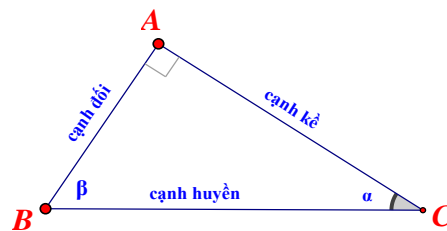
- Tỉ số lượng giác của \hat{C} là

$$\sin C = \sin \alpha = \frac{AB}{BC}$$

$$\cos C = \cos \alpha = \frac{AC}{BC}$$

$$\tan C = \tan \alpha = \frac{AB}{AC}$$

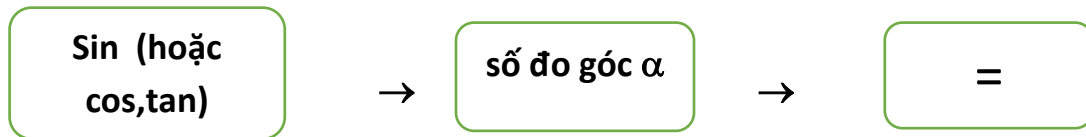
$$\cot C = \cot \alpha = \frac{AC}{AB}$$



- Tỉ số lượng giác của \hat{B} là (hs tự làm)

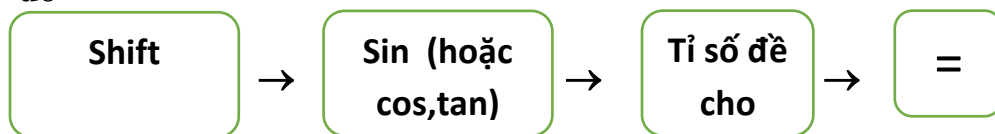
➤ Sử dụng máy tính để tính tỉ số lượng giác của góc khi biết số đo α của góc đó

*Muốn tính sin(hoặc cos,tan) khi biết số đo α thì ấn lần lượt các nút sau:

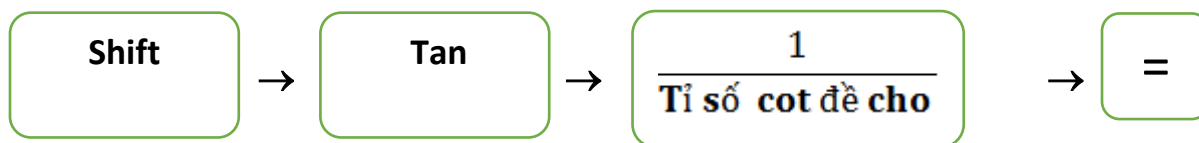


*Muốn tính $\cot \alpha$ thì đổi $\cot \alpha = \frac{1}{\tan \alpha}$ sau đó ấn $\frac{1}{\tan \alpha}$

➤ Sử dụng máy tính để tính số đo α (chưa biết) của 1 góc khi biết tỉ số lượng giác của góc đó



Nếu đề bài cho tỉ số \cot thì nhấn



Thực hành :

1) Dùng máy tính bỏ túi để tìm các tỉ số lượng giác sau (làm tròn đến chữ số thập phân thứ tư):

- a) $\sin 40^\circ 12'$; b) $\cos 52^\circ 54'$ c) $\operatorname{tg} 63^\circ 36'$; d) $\operatorname{cotg} 25^\circ 18'$

2) Dùng máy tính bỏ túi để tìm số đo của góc nhọn x (làm tròn đến phút), biết rằng:

- a) $\sin x = 0,2368$; b) $\cos x = 0,6224$
 c) $\operatorname{tg} x = 2,154$; d) $\operatorname{cotg} x = 3,25$

2. Tỉ số lượng giác của 2 góc phụ nhau

Định lí (SGK/74) Nếu hai góc phụ nhau thì sin góc này bằng cos góc kia, tan góc này bằng cot góc kia

➤ Nếu $\alpha + \beta = 90^\circ$ (hai góc phụ nhau)

Thì $\sin \alpha = \cos \beta$; $\cos \alpha = \sin \beta$; $\tan \alpha = \cot \beta$; $\cot \alpha = \tan \beta$

➤ Nếu hai góc nhọn α và β có $\sin \alpha = \sin \beta$ hoặc $\cos \alpha = \cos \beta$ thì $\alpha = \beta$.

VD: $\sin 60^\circ = \cos 30^\circ = \frac{\sqrt{3}}{2}$
 $\sin 30^\circ = \cos 60^\circ = \frac{1}{2}$
 $\sin 45^\circ = \cos 45^\circ = \frac{\sqrt{2}}{2}$
 $\tan 30^\circ = \cot 60^\circ = \frac{\sqrt{3}}{3}$

$$\tan 60^\circ = \cot 30^\circ = \sqrt{3}$$

$$\tan 45^\circ = \cot 45^\circ = 1$$

3. Một số công thức cần nhớ

$$\tan \alpha = \frac{\sin \alpha}{\cos \alpha} \quad ; \quad \cot \alpha = \frac{\cos \alpha}{\sin \alpha} \quad ; \quad \tan \alpha \cdot \cot \alpha = 1 \quad ; \quad \sin^2 \alpha + \cos^2 \alpha = 1$$

VD: Cho ΔABC vuông tại A. Biết $\cos B = 0,8$. Hãy tính các tỉ số lượng giác của góc C

Giải

$$\Delta ABC \text{ vuông tại A} \Rightarrow \hat{B} + \hat{C} = 90^\circ$$

$$\cos B = 0,8 \Rightarrow \sin C = 0,8$$

$$\sin^2 C + \cos^2 C = 1$$

$$\Rightarrow \cos^2 C = 1 - \sin^2 C$$

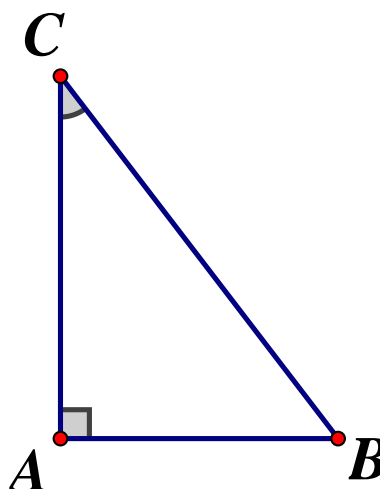
$$\Rightarrow \cos^2 C = 1 - 0,8^2$$

$$\Rightarrow \cos^2 C = 0,36$$

$$\Rightarrow \cos C = \sqrt{0,36} = 0,6$$

$$\tan C = \frac{\sin C}{\cos C} = \frac{0,8}{0,6} = \frac{4}{3}$$

$$\cot C = \frac{1}{\tan C} = \frac{3}{4}$$



B. LUYỆN TẬP: Học sinh hoàn thành các bài tập dưới đây

Bài 1: Dùng máy tính bỏ túi, hãy tìm các tỉ số lượng giác (làm tròn đến chữ số thập phân thứ tư):

a) $\sin 70^\circ 13'$; b) $\cos 25^\circ 32'$ c) $\tan 43^\circ 10'$; d) $\cot 32^\circ 15'$

Bài 2: Dùng máy tính bỏ túi để tìm góc nhọn x (làm tròn kết quả đến độ), biết rằng:

a) $\sin x = 0,3495$; b) $\cos x = 0,5427$; c) $\tan x = 1,5142$; d) $\cot x = 3,163$

Bài 3: Vẽ một tam giác vuông có một góc nhọn 34° rồi viết các tỉ số lượng giác của góc 34° .

Hướng dẫn

ΔABC vuông tại A có góc $C = 34^\circ$.

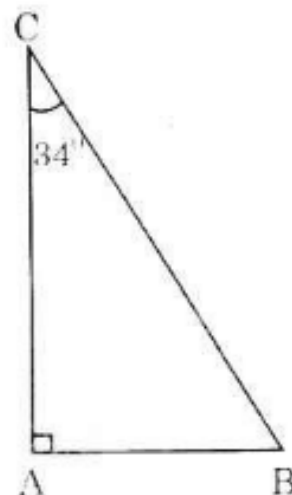
Khi đó:

$$\sin C = \sin 34^\circ = \frac{AB}{BC} \approx 0,6$$

$$\cos C = \cos 34^\circ = \frac{AC}{BC} \approx 0,8$$

$$\tan C = \tan 34^\circ = \frac{AB}{AC} \approx 0,7$$

$$\cot C = \cot 34^\circ = \frac{AC}{AB} \approx 1,5$$



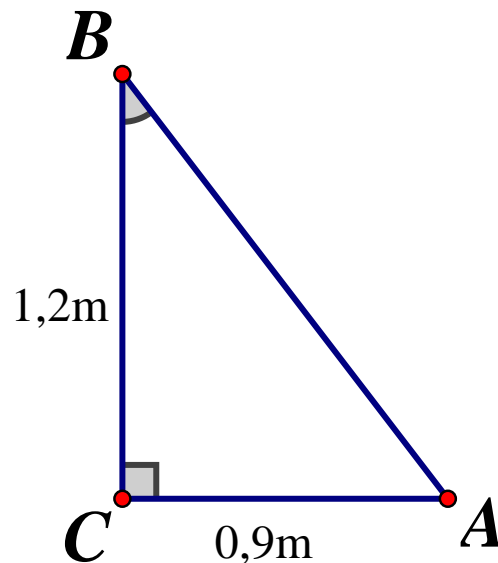
Bài 4: Cho tam giác ABC vuông tại C, trong đó $AC = 0,9\text{m}$, $BC = 1,2\text{m}$. Tính các tỉ số lượng giác của góc B, từ đó suy ra các tỉ số lượng giác của góc A.

Hướng dẫn: Tính cạnh huyền sau đó tính được 4 tỉ số lượng giác của góc B

Vận dụng định lý Tỉ số lượng giác của 2 góc phụ nhau để suy ra góc A

Nếu $\alpha + \beta = 90^\circ$ (hai góc phụ nhau)

Thì $\sin \alpha = \cos \beta$; $\cos \alpha = \sin \beta$;
 $\tan \alpha = \cot \beta$; $\cot \alpha = \tan \beta$



-----HẾT-----

4. MÔN: CÔNG NGHỆ 9

Tiết 3- Bài 2: VẬT LIỆU ĐIỆN DÙNG TRONG LẮP ĐẶT MẠNG ĐIỆN TRONG NHÀ(TT)

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

II/ Dây cáp điện :

1/ Cấu tạo : Gồm 3 phần :

+ Lõi cáp : làm bằng đồng (hoặc nhôm), gồm một lõi hoặc nhiều lõi dây dẫn được bọc cách điện, bên ngoài là vỏ bảo vệ mềm.

+Vỏ cách điện : làm bằng cao su tự nhiên, cao su tổng hợp, PVC.

+ Vỏ bảo vệ: được chế tạo cho phù hợp với các môi trường lắp đặt cáp khác nhau như vỏ chịu nhiệt, chịu mặn, chịu ăn mòn, ...

2/ Sử dụng cáp điện :

Với mạng điện trong nhà, cáp được dùng để lắp đặt đường dây hạ áp dẫn điện từ lưới điện phân phối gần nhất đến mạng điện trong nhà.

III. Vật liệu cách điện:

- Vật liệu cách điện luôn đi liền với những vật liệu dẫn điện nhằm đảm bảo cho mạng điện làm việc hiệu quả, an toàn cho người và mạng điện.

+ Vật liệu cách điện cần đạt các yêu cầu sau:

- Độ cách điện cao
- Chịu nhiệt tốt
- Chống ẩm tốt
- Độ bền cơ học cao

B. LUYỆN TẬP: Học sinh hoàn thành các câu hỏi dưới đây

Câu 1: Hãy mô tả cấu tạo dây cáp điện ?

Câu 2: Tại sao vật liệu cách điện luôn đi liền với vật liệu dẫn điện? Vật liệu cách điện cần đạt những yêu cầu nào?

-----HẾT-----

6. MÔN: NGỮ VĂN 9

CHỦ ĐỀ : VĂN BẢN THÔNG TIN

(PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH, ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HÒA BÌNH)

Văn bản 1: PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

A/ Nội dung ghi bài

I/Đọc -tìm hiểu chú thích.

- Tác giả: Lê Thanh Trà.
- Thể loại: Văn bản nhật dụng.
- PTBD: tự sự + nghị luận
- Bố cục: 2 phần.
- + Phần 1: từ đầu... “ rất hiện đại”.
- +Phần 2: phần còn lại.

II/ Đọc - hiểu văn bản.

1. Vốn tri thức văn hoá sâu rộng của Bác

+ Cách tiếp cận nền văn hóa các nước:

- Nói, viết thạo nhiều thứ tiếng ->*Nắm vững phương tiện giao tiếp.*
- Làm nhiều nghề -> *học qua thực tế.*
- Đến đâu cũng học hỏi -> *Ham học hỏi.*

+ Phương pháp học tập

- Tiếp thu có chọn lọc, không thụ động.
 - Tiếp thu cái đẹp và cái hay đồng thời với việc phê phán những hạn chế, tiêu cực.
 - Tiếp thu trên nền tảng văn hoá dân tộc.
- Phong cách HỒ CHÍ MINH: Kết hợp hài hòa truyền thống+ hiện đại, dân tộc+ nhân loại.

2/ Lối sống của Bác.

a/ Giản dị:

- Nơi ở: nhà sàn gỗ, vài phòng, đồ đạc mộc mạc, đơn sơ.
- Trang phục giản dị: bộ bà ba nâu, áo trấn thủ, đôi dép lốp, ...
- Ăn uống đạm bạc, không cầu kì,

b/ Thanh cao:

- Sống giản dị và tiết chế.
 - Vui với thú quê thuần đức.
- Phong cách Hồ Chí Minh: giản dị, thanh cao.

III/ Ghi nhớ: SGK trang 8

B/ Luyện tập:

Lựa chọn từ ngữ thích hợp trong nhóm từ: *gắn bó, hài hoà, dân tộc, đất nước, văn hoá, tri thức, thanh cao, vĩ đại* để điền vào chỗ chấm trong nhận xét sau:

Vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh là sự kết hợp.....(1)..... giữa truyền thống văn hoá(2)..... và tinh hoa(3)..... nhân loại, giữa(4)..... và giản dị.

C/ Bài tập: Sưu tầm những đoạn thơ, bài thơ, truyện nói về Bác/ Vẽ.

Văn bản 2 :

ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HÒA BÌNH (G.G Mác – kết)

A/ Nội dung ghi bài

I/ Đọc - tìm hiểu chú thích.

- Tác giả:
 - + Ga-bri-en Gác-xi-a Mác kết G.G Mác-kết (sinh 1928) là nhà văn Cô-lôm-bi-a
 - + Nhận giải Nobel văn học năm 1982
- Tác phẩm:
 - + Xuất xứ: Sgk/ 19
 - + Thể loại: Văn bản nhật dụng.
 - + Bố cục: 4 phần.
 - Phần 1: Từ đầu “tốt đẹp hơn” -> Nguy cơ của chiến tranh hạt nhân
 - Phần 2: Tiếp theo toàn thế giới -> Cuộc chạy đua vũ trang.
 - Phần 3: Tiếp theo điểm xuất phát của nó -> Chiến tranh hạt nhân phân lại sự tiến hóa của nhân loại.
 - Phần 4: Còn lại -> Nhiệm vụ của chúng ta.

II/ Đọc - hiểu văn bản.

1/ Nguy cơ của chiến tranh hạt nhân.

- Ngày 8/8/1986 : Hơn 50.000 đầu đạn hạt nhân = 4 tấn thuốc nổ/ người.
- Tiêu diệt tất các hệ hành tinh, phá hủy thế cân bằng của hệ mặt trời.
 - Cách vào đề trực tiếp, nêu thời gian cụ thể, chứng cứ xác thực.
 - ⇒ Hiểm họa khủng khiếp đe dọa toàn thể loài người và mọi sự sống

2/ Cuộc chạy đua vũ trang.

- 100 máy bay ném bom B1B + 7000 tên lửa = giải quyết cho 500 triệu trẻ em nghèo khổ.
- 10 chiếc tàu sân bay = chương trình phòng bệnh sốt rét cho hơn 1 tỉ người trong 14 năm + cứu hơn 14 triệu trẻ em châu Phi.
- 149 tên lửa MX = lo cho 575 triệu người thiếu dinh dưỡng
- 27 tên lửa MX = tiền nông cụ cho các nước nghèo
- 2 tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân = tiền xóa nạn mù chữ toàn thế giới.
 - So sánh hợp lí
 - Quá tốn kém, phi lí - Làm mất khả năng được sống tốt đẹp hơn của con người

3/ Chiến tranh hạt nhân đi ngược lại lý trí con người, phản lại sự tiến hóa của tự nhiên :

- Quá trình tiến hóa của sự sống: hàng trăm triệu năm → Rất lâu dài
- Chiến tranh hạt nhân nổ ra: Đẩy lùi sự tiến hóa về điểm xuất phát → Hủy diệt thành quả nhanh chóng.
 - Chứng cứ xác thực, số liệu so sánh cụ thể, nghệ thuật tương phản, giọng văn mỉa mai.
 - Phản tự nhiên, phản tiến hóa - Chiến tranh hạt nhân là hiểm họa đe dọa toàn bộ sự sống trên trái đất, đi ngược lại lợi ích và sự phát triển của thế giới.

4/Nhiệm vụ của mọi người :

- Lên tiếng ngăn chặn nguy cơ chiến tranh hạt nhân
- Đấu tranh cho hòa bình
- Giữ gìn thành quả của nhân loại, lên án các thế lực hiếu chiến.

III/ Ghi nhớ: SGK trang 21

B/ Luyện tập: Qua các phương tiện thông tin đại chúng, em hiểu gì về tình hình xung đột và chiến tranh trên thế giới đang diễn ra hàng ngày, hàng giờ ?

C/ Bài tập:

1. Sưu tầm những hình ảnh về hậu quả của chiến tranh ?
2. Gặp gỡ những nhân chứng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc để tìm hiểu về sự thảm khốc của chiến tranh mà dân tộc ta phải trải qua ?

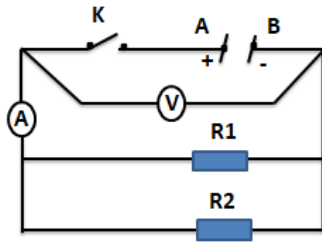
-----**HẾT**-----

7. MÔN: VẬT LÝ 9

CHỦ ĐỀ 1: ĐỊNH LUẬT OHM (tiếp theo)

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

I. Cường độ dòng điện và hiệu điện thế trong đoạn mạch song song.



+ Trong đoạn mạch gồm hai điện trở mắc song song, cường độ dòng điện toàn mạch bằng tổng cường độ dòng điện chạy qua các mạch rẽ.

$$\boxed{I = I_1 + I_2} \quad (1)$$

+ Hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn mạch bằng hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi mạch rẽ.

$$\boxed{U = U_1 = U_2} \quad (2)$$

C2: áp dụng định luật Ôm cho mỗi đoạn mạch rẽ ta có:

Vì $R_1 // R_2$ nên: $U_1 = U_2$

$$\rightarrow I_1 \cdot R_1 = I_2 \cdot R_2$$

$$\text{nên: } \boxed{\frac{I_1}{I_2} = \frac{R_2}{R_1}} \quad (3)$$

Trong đoạn mạch song song cường độ dòng điện qua các mạch rẽ tỉ lệ nghịch với điện trở thành phần.

II. Điện trở tương đương của đoạn mạch song song (R_{td})

C3: Vì $R_1 // R_2 \rightarrow I = I_1 + I_2$

$$\frac{U_{AB}}{R_{td}} = \frac{U_1}{R_1} + \frac{U_2}{R_2}$$

Vì $R_1 // R_2$ nên $U_{AB} = U_1 = U_2$, chia 2 vế cho U, ta có:

$$\frac{1}{R_{td}} = \frac{1}{R_1} + \frac{1}{R_2} \quad (4)$$

$$\rightarrow R_{td} = \frac{R_1 \cdot R_2}{R_1 + R_2} \quad (4')$$

Đối với đoạn mạch gồm hai điện trở song song thì nghịch đảo điện trở tương đương bằng tổng nghịch đảo của các điện trở thành phần.

- **Lưu ý:** Trong mạch điện gồm 2 điện trở mắc song song. Khi K đóng, nếu tháo bỏ điện trở R_1 thì R_2 vẫn hoạt động vì dòng điện vẫn chạy qua mạch chứa R_2 .

B. LUYỆN TẬP: Học sinh hoàn thành các bài tập dưới đây

Bài mẫu 1: Cho hai điện trở $R_1=30\Omega$ và $R_2=150\Omega$ mắc song song với nhau và mắc vào hiệu điện thế $U_{AB} = 24V$. Tính:

- Điện trở tương đương của mạch điện.
- Cường độ dòng điện qua mỗi điện trở?
- Muốn điện trở tương đương của mạch là 20Ω thì phải mắc song song vào mạch điện trở R_3 giá trị bao nhiêu ?

Tóm tắt:

$$R_1=30\Omega$$

$$R_2=150\Omega$$

- $R_{td}=? (\Omega)$
- $I_1, I_2=?(A)$
- $R'_{td}=? (\Omega)$

Giải:

a) Điện trở tương đương của mạch điện:

$$R_{td} = \frac{R_1 \cdot R_2}{R_1 + R_2} = \frac{30 \cdot 150}{30 + 150} = 25(\Omega)$$

b) Vì $R_1 // R_2$ nên: $U_{AB} = U_1 = U_2 = 24V$

Cường độ dòng điện qua mỗi điện trở:

$$I_1 = \frac{U_1}{R_1} = \frac{24}{30} = 0,8(A)$$

$$I_2 = \frac{U_2}{R_2} = \frac{24}{150} = 0,16(A)$$

c) Điện trở R_3 :

$$\frac{1}{R_{td}} = \frac{1}{R_1} + \frac{1}{R_2} + \frac{1}{R_3}$$

$$\Leftrightarrow \frac{1}{R_3} = \frac{1}{R_{td}} - \left(\frac{1}{R_1} + \frac{1}{R_2} \right) = \frac{1}{20} - \left(\frac{1}{30} + \frac{1}{150} \right) = \frac{1}{20} - \frac{1}{25} = \frac{1}{100}$$

$$\Rightarrow R_3 = 100(\Omega)$$

Bài mẫu 2: Cho đoạn mạch gồm R_1 song song với R_2 , trong đó $R_1 = 50\Omega$, $R_2 = 250\Omega$, cường độ dòng điện qua R_1 đo được $0,2A$.

- Tìm điện trở tương đương toàn mạch?
- Tìm hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở?
- Tìm cường độ dòng điện chạy qua điện trở R_2 và cường độ dòng điện chạy qua toàn mạch?

Tóm tắt:

$$R_1=50\Omega$$

$$R_2=250\Omega$$

$$I_1 = 0,2A$$

- $R_{td}=? (\Omega)$
- $U_1, U_2=?(V)$
- $I_2=?(A), I=?(A)$

Giải:

a) Điện trở tương đương của mạch điện:

$$R_{td} = \frac{R_1 \cdot R_2}{R_1 + R_2} = \frac{50 \cdot 250}{50 + 250} \approx 41,67(\Omega)$$

b) Ta có: $U_1 = R_1 \cdot I_1 = 50 \cdot 0,2 = 10(V)$

Vì $R_1 // R_2$ nên: $U_{AB} = U_1 = U_2 = 10V$

Hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở là $10V$

c) Cường độ dòng điện qua điện trở R_2 :

$$I_2 = \frac{U_2}{R_2} = \frac{10}{250} = 0,04(A)$$

Cường độ dòng điện toàn mạch:

$$I = \frac{U_{AB}}{R_{td}} = \frac{10}{41,67} = 0,24(A)$$

BT1. Cho 2 điện trở $R_1 = 6\Omega$ và $R_2 = 4\Omega$ mắc song song vào hiệu điện thế 20V. Tìm điện trở tương đương của mạch và cường độ dòng điện qua các điện trở ?

BT2. Cho 2 điện trở $R_1 = 8\Omega$ và R_2 mắc song song vào hiệu điện thế 12V. Cường độ dòng điện qua mạch là 3A. Tìm điện trở của mạch và điện trở R_2 ?

BT3. Cho đoạn mạch gồm R_1 mắc song song với R_2 , trong đó $R_1 = 5\Omega$, $R_2 = 15\Omega$, hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn mạch đo được 24V.

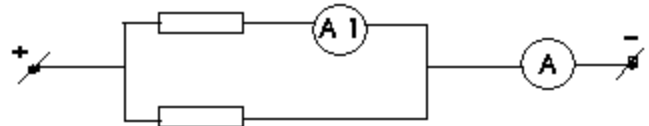
- Tìm điện trở tương đương toàn mạch?
- Tìm cường độ dòng điện toàn mạch?
- Tìm cường độ dòng điện qua mỗi điện trở?

BT4. Cho đoạn mạch gồm R_1 mắc song song với R_2 , trong đó $R_1 = 6\Omega$, $R_2 = 3\Omega$, hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn mạch đo được 6V.

- Tìm điện trở tương đương toàn mạch?
- Tìm cường độ dòng điện toàn mạch?
- Tìm cường độ dòng điện qua mỗi điện trở?

BT5. Cho mạch điện như hình vẽ, trong đó $R_1 = 10\Omega$, ampe kế A_1 chỉ 3,6A. Cường độ dòng điện toàn mạch là 4A.

- Tính hiệu điện thế U_{AB} của đoạn mạch?
- Tính điện trở R_2 .



BT6. Cho đoạn mạch gồm ba điện trở mắc song song, trong đó $R_1 = 120\Omega$, $R_2 = 60\Omega$, $R_3 = 40\Omega$, cường độ dòng điện chạy qua mạch chính đo được 3A.

- Tìm điện trở tương đương toàn mạch?
- Tìm hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn mạch?
- Tìm cường độ dòng điện chạy qua mỗi điện trở?

-----HẾT-----

8. MÔN: SINH HỌC 9

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Bài 4, 5: LAI 2 CẶP TÍNH TRẠNG

I. Thí nghiệm của Mendel :

P: Đậu hạt vàng ,vỏ trơn X Đậu hạt xanh ,vỏ nhăn

F1: 100% đậu hạt vàng ,vỏ trơn

Cho F1X F1 : Đậu hạt vàng ,vỏ trơn X Đậu hạt vàng ,vỏ trơn

F2 : Thu được

9/16 đậu hạt vàng ,vỏ trơn

3/16 đậu hạt vàng ,vỏ nhăn

3/16 đậu hạt xanh ,vỏ trơn

1/16 đậu hạt xanh ,vỏ nhăn

***Nhận xét :**

Tỉ lệ **kiểu hình** của F2 bằng **tích tỉ lệ** các tính trạng hợp thành nó

***Kết luận :**

Mendel cho rằng các **cặp tính trạng** này đã **di truyền độc lập** với nhau

II. Biến dị tổ hợp :

Là những kiểu hình khác với đời P

VD đậu hạt vàng ,vỏ nhăn

Đậu hạt xanh ,vỏ trơn

III, Giải thích của Mendel :

-Kết quả thí nghiệm trên là do các cặp nhân tố di truyền đã phân li độc lập trong quá trình phát sinh giao tử và thụ tinh

-F1 cho 4 loại giao tử ở mỗi bên bố ,mẹ

-> F2 có 16 tổ hợp phân li theo tỉ lệ 9:3:3:1 (9/16 : 3/16 :3/16:1/16)

***Quy luật phân ly độc lập :**

Các **cặp nhân tố di truyền** đã **phân li độc lập** trong quá trình **phát sinh giao tử**

IV. Ý nghĩa của quy luật phân li độc lập

-Nhờ sự phân li độc lập và tổ hợp tự do của các cặp nhân tố di truyền đã tạo nên **các biến dị tổ hợp**

->Giải thích nguyên nhân xuất hiện các biến dị tổ hợp

-Có ý nghĩa quan trọng trong chọn giống và tiến hóa

B. LUYỆN TẬP: Học sinh hoàn thành các bài tập dưới đây

BÀI 4 :

1. Căn cứ vào đâu mà Mendel lại cho rằng các tính trạng màu sắc và hình dạng hạt đậu trong thí nghiệm của mình lại di truyền độc lập với nhau ?

*2. Biến dị tổ hợp là gì ? Nó xuất hiện ở hình thức sinh sản nào ?

3. Trong Di truyền độc lập các tính trạng ,nhất thiết F2 phải có :

a. Tỉ lệ phân li mỗi cặp tính trạng là 3trội :1lặn

b.Tỉ lệ của mỗi kiểu hình bằng tích tỉ lệ các tính trạng hợp thành nó

c. 4 kiểu hình khác nhau

d. Các biến dị tổ hợp

Hãy chọn các câu trả lời đúng

BÀI 5:

- *1 Phát biểu Quy luật Phân li độc lập của Mendel ?
- *2. Ý nghĩa của Quy luật Phân li độc lập ?
- 3. Biến dị tổ hợp có ý nghĩa gì trong chọn giống và tiến hóa ? Tại sao ở các loài sinh sản giao phối (sinh sản hữu tính) biến dị lại phong phú hơn nhiều so với những loài sinh sản vô tính ?

-----**HẾT**-----

9. MÔN: ĐỊA LÝ 9

Chủ đề 2: ĐỊA LÝ KINH TẾ. (Từ bài 6 đến bài 16)

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GIỚI):

I. NỀN KINH TẾ NƯỚC TA TRONG THỜI KÌ ĐỔI MỚI

1. Bắt đầu từ năm 1986, thể hiện qua 3 yếu tố:

- Sự chuyển dịch cơ cấu ngành : Giảm tỉ trọng khu vực I (nông, lâm, ngư nghiệp), tăng tỉ trọng khu vực II (công nghiệp – xây dựng) và khu vực III (dịch vụ)
- Sự chuyển dịch cơ cấu theo lãnh thổ : Hình thành các vùng chuyên canh trong nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và các vùng kinh tế
- Chuyển dịch cơ cấu theo thành phần kinh tế : Phát triển kinh tế nhiều thành phần (có 5 thành phần kinh tế)

2. Thành tựu và thách thức

- Thành tựu :

- + Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực.
- + Tốc độ phát triển kinh tế nhanh và vững chắc.
- + Nước ta đang trong quá trình hội nhập kinh tế trong khu vực và toàn cầu.

- Thách thức

- + Cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường.
- + Vấn đề việc làm, xóa đói giảm nghèo.
- + Thách thức trong quá trình hội nhập.

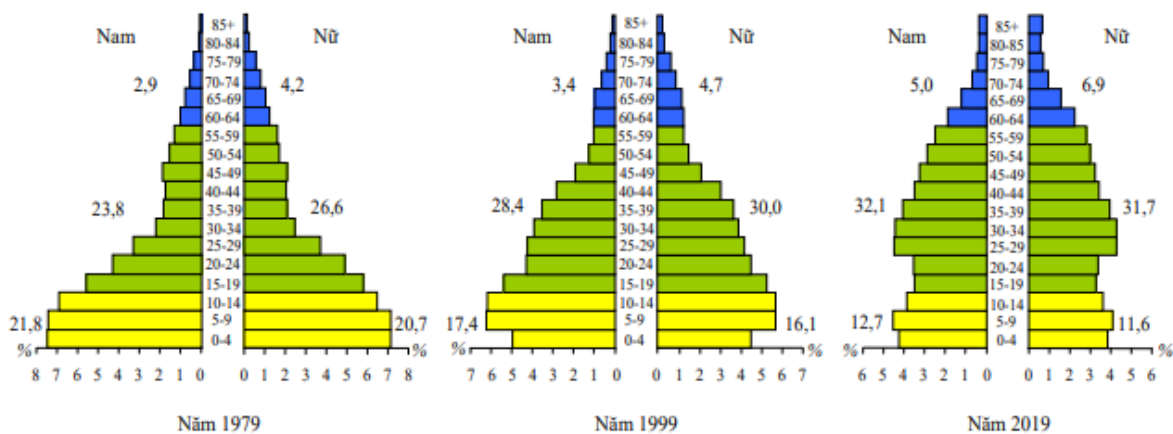
B. LUYỆN TẬP: Học sinh hoàn thành các câu hỏi dưới đây

Câu 1: Hãy nêu một số thành tựu và thách thức trong phát triển kinh tế của nước ta.

Câu 2:

Quan sát biểu đồ tháp dân số nước ta giai đoạn 1979, 1999 và 2019, nhận xét cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu dân số theo độ tuổi và theo giới tính?

Tháp dân số Việt Nam qua các năm [trang 18]



Câu 3: Dựa vào hình 6.2 hoặc tập bản đồ trang 9, hãy xác định các vùng kinh tế của nước ta, phạm vi lãnh thổ của các vùng kinh tế trọng điểm. Kể tên các vùng kinh tế tiếp giáp biển, vùng kinh tế không tiếp giáp biển.



Hình 6.2. Lược đồ các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm, năm 2002.

Từ ngày 1-8-2008, Hà Tây được sáp nhập vào thành phố Hà Nội.

-----HẾT-----

10. MÔN: LỊCH SỬ 9

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI)

CHỦ ĐỀ 1: BÀI 2: LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (GIỮA NHỮNG NĂM 1970 CỦA THẾ KỶ XX ĐẾN NAY)

I. Sự khủng hoảng và tan rã của Liên bang Xô viết

- Từ sau cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973, Liên Xô ngày càng lâm vào khủng hoảng
- Tháng 3.1985, sau khi nắm quyền, Gorbachev đề ra đường lối cải tổ nhưng thất bại.
- Sau cuộc đảo chính không thành, Đảng Cộng sản và Nhà nước Liên bang hầu như tê liệt..
- Ngày 21.12.1991, Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) ra đời.
- Ngày 25.12.1991, Gorbachev tuyên bố từ chức Tổng thống → CNXH sụp đổ ở Liên Xô

II. Cuộc khủng hoảng và tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu

- Cuối năm 1988, cuộc khủng hoảng lên đến đỉnh cao, khởi đầu ở Ba Lan rồi lan sang các nước khác
→ Chủ nghĩa xã hội sụp đổ ở các nước Đông Âu.

Nguyên nhân tan rã của chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu

- Mô hình CNXH đã xây dựng có nhiều thiếu sót.
- Không bắt kịp bước phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến.
- Khi tiến hành cải tổ, đã phạm phải những sai lầm.
- Sự chống phá của các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước

* Hệ quả: chấm dứt sự tồn tại của hệ thống XHCN, là tổn thất hết sức nặng nề đối với phong trào cách mạng thế giới và các lực lượng tiến bộ ở các nước.

CHỦ ĐỀ II: CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ LA - TINH TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY BÀI 3: QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ SỰ TAN RÃ CỦA HỆ THỐNG THUỘC ĐỊA

BẢNG THỐNG KÊ CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRÊN THẾ GIỚI SAU CTTG II

Các giai đoạn	Khu vực	Nước giành độc lập	Kết quả
I. Giai đoạn từ 1945 đến giữa những năm 60 TK XX	Đông Nam Á Nam Á Bắc Phi Châu Phi Mĩ La Tinh	- Indonesia (17/8/1945) - Việt Nam (2/9/1945) - Lào (12/10/1945) Laos - Ấn Độ (1950) India - Ai Cập (1952) Egypt - Angieri (1954-1960)	<i>Đến giữa những năm 60 của TK XX, hệ thống thuộc địa của CNDQ căn bản bị sụp đổ.</i>

		-1960 có 17 nước châu Phi giành độc lập (Năm châu Phi) - CuBa (1/1/1959)	
II. Giai đoạn từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70 TK XX	Miền nam châu Phi (thuộc địa của Bồ Đào Nha)	-Guiné-Bissau 9/1974 -Mozambique 6/1975 - Angola 11/1975	<i>Sự tan rã của các thuộc địa Bồ Đào Nha là thắng lợi quan trọng của phong trào GPDT ở châu Phi.</i>
III. Giai đoạn từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 TK XX	Miền nam châu Phi (chống chế độ APACTHAI)	- Zimbabwe 1980 - Namibia 1990 - CH Nam Phi 1993 (South Africa)	<i>Hệ thống thuộc địa của CNĐQ bị sụp đổ hoàn toàn.</i>

A. LUYỆN TẬP: Học sinh hoàn thành các câu hỏi dưới sau:

Câu 1. Trước ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng chung trên toàn thế giới trong những năm 70 của thế kỉ XX Liên Xô đã làm gì?

- A. Tiến hành cải cách kinh tế, chính trị, xã hội cho phù hợp.
- B. Kịp thời thay đổi để thích ứng với tình hình thế giới.
- C. Không tiến hành những cải cách về kinh tế và xã hội.
- D. Có cải cách kinh tế, chính trị nhưng chưa triệt để.

Câu 2. Nguyên nhân tan rã của chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu là ?

- A. Mô hình CNXH đã xây dựng có nhiều thiếu sót. Khi tiến hành cải tổ, đã phạm phải những sai lầm.
- B. Không bắt kịp bước phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến.
- C. Sự chống phá của các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước
- D. Các câu A, B, C đều đúng.

Câu 3. Những nước nào ở Đông Nam Á giành được độc lập trong năm 1945?

- A. Việt Nam, Lào, In-đô-nê-xi-a.
- B. Việt Nam, In-đô-nê-xi-a, Cam-pu-chia.
- C. Lào, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin
- D. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.

Câu 4. “Năm châu Phi” (1960) là tên gọi cho sự kiện nào sau đây?

- A. Có nhiều nước châu Phi được trao trả độc lập.
- B. Châu Phi có phong trào giải phóng dân tộc sớm nhất và mạnh nhất.
- C. Có 17 nước ở châu Phi tuyên bố độc lập.
- D. Châu Phi là “Lục địa mới trời dậy”.

Câu 5. Từ cuối những năm 70 của thế kỉ XX, chủ nghĩa thực dân chỉ còn tồn tại dưới hình thức nào?

- A. Chủ nghĩa thực dân kiểu cũ.
- B. Chủ nghĩa thực dân kiểu mới.
- C. Chế độ phân biệt chủng tộc.
- D. Chế độ thực dân.

11. MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9

CHỦ ĐỀ : TÌNH HỮU NGHỊ VÀ HỢP TÁC CÙNG PHÁT TRIỂN(4 tiết) .
(TÍCH HỢP BÀI 5 : TÌNH HỮU NGHỊ GIỮA CÁC DÂN TỘC TRÊN THẾ GIỚI .
BÀI 6 : HỢP TÁC CÙNG PHÁT TRIỂN)

- **LÝ THUYẾT (Nội dung bài ghi)**

I. Đặt vấn đề: Sgk/17,20 .

II. Nội dung bài học:

1. ĐỊNH NGHĨA :

a/ Tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới : là mối quan hệ bạn bè thân thiện giữa nước này với nước khác .

b/ Hợp tác là cùng chung sức làm việc , giúp đỡ , hỗ trợ lẫn nhau trong công việc vì lợi ích chung

- Hợp tác dựa trên cơ sở : bình đẳng , hai bên cùng có lợi , không phương hại đến lợi ích của người khác .

2 . Ý NGHĨA :

- Tạo cơ hội và điều kiện để các nước , các dân tộc cùng hợp tác phát triển về nhiều mặt : kinh tế , văn hóa , giáo dục ...
- Tạo sự hiểu biết lẫn nhau , tránh gây mâu thuẫn , căng thẳng dẫn đến nguy cơ chiến tranh .
- Giải quyết vấn đề bức xúc mang tính toàn cầu (ô nhiễm môi trường , dịch bệnh , tăng dân số)
- Để đạt mục tiêu cho toàn nhân loại .

- **BÀI TẬP :**

1 / Em hãy nêu 3 nước , 3 lĩnh vực mà Việt Nam hợp tác ?

2 /Em hãy cho 2 ví dụ cụ thể thể hiện tình hữu nghị giữa Việt Nam với các nước khác trên thế giới ?

- **DẶN DÒ :**

- Học bài (1,2)
- Làm bài tập 1,2
- Đọc trước nội dung bài học phần còn lại của bài 5, 6 / SGK tr18,22 .

-----HẾT-----

12. MÔN: MỸ THUẬT 9

CHỦ ĐỀ: TINH HOA MỸ THUẬT VIỆT.

TIẾT 3, 4: CHẠM KHẮC GỖ ĐÌNH LÀNG VIỆT NAM

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GD):

Các bước vẽ hình tượng con Rồng thời Nguyễn:

1. Quan sát và chọn mẫu hình rồng thời Nguyễn thích hợp.
2. Vẽ phác thảo các nét khái quát, đơn giản.
3. Chỉnh sửa đường nét, vẽ chi tiết, hoàn thành hình vẽ.
4. Vẽ màu.

B. LUYỆN TẬP: Học sinh hoàn thành các yêu cầu dưới đây

Chọn và vẽ 1 hình hình tượng con Rồng thời Nguyễn mà em thích.

Kích thước: giấy A4.

-----**HẾT**-----

13. MÔN: THỂ DỤC 9

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GIỚI):

1. Một số nguyên tắc tập luyện phát triển sức bền: (phần 2)

c. Một số hình thức và phương pháp tập luyện phát triển sức bền:

- Tập sức bền bằng trò chơi vận động hoặc tập một số bài tập như: nhảy dây bền, tăng cầu tối đa, tập chạy phối hợp với thở "hai lần hít vào hai lần thở ra" hoặc "chạy vượt chướng ngại vật" để luyện tập cách vượt một số chướng ngại vật thường gặp trên đường chạy tự nhiên...

Kết hợp chạy với đi bộ và rút ngắn dần cự li hoặc thời gian đi bộ để tăng cự ly hoặc thời gian chạy.

- Tập sức bền bằng đi bộ hoặc chạy trên địa hình tự nhiên theo sức khỏe từ 300m nâng dần đến 500m, 600m, 800m, 1000m, 1500m, 2000m, 3000m hoặc theo thời gian từ 3 phút đến 15 phút, 40 phút...

- Tập sức bền bằng các môn có tác dụng rèn luyện sức bền như: đi bộ thể thao, chạy cự li trung bình, chạy cự li dài. Cũng có thể tập các môn cầu lông, bóng rổ, bóng đá, bơi cự li trung bình và cự li dài...

- Có thể tập cá nhân hoặc theo nhóm (cùng bạn bè, cha mẹ, ông bà), tại chỗ hoặc di chuyển theo vòng số 8 khi đi bộ, chạy,... Thời gian tập thích hợp là vào buổi sáng sớm (trước hoặc sau khi tập bài thể dục buổi sáng) hoặc vào buổi chiều tối (trước khi ăn cơm). Cũng có thể tập dưới hình thức đi dạo trên quãng đường dài sau bữa ăn chiều tối khoảng 1 giờ hoặc trước khi đi ngủ,...

Hình thức tập rất phong phú, phương pháp tập đơn giản, nếu có ý thức giữ gìn và nâng cao sức khỏe ai cũng có thể tự tập được. Điều khó ở đây là cần tập thường xuyên, kiên trì theo sức khỏe của mình.

B. LUYỆN TẬP: Học sinh hoàn thành các yêu cầu dưới đây

* Hướng dẫn bài khởi động.

1. **Khởi động chung:** Xoay các khớp: Cổ, cổ tay, cổ chân, khớp khuỷu, khớp vai; vặn mình, xoay hông, lườn, bụng; ép dọc, ép ngang.

2. **Khởi động chuyên môn:**

- Chạy: Đi bước nhỏ, nâng cao đùi, chạy gót chạm mông. (Thực hiện tại chỗ).

3. **Thể lực:** Các bài tập phát triển sức bền (Nhảy dây bền, chạy tại chỗ)

4. **Hồi tĩnh, thả lỏng:**

Sau mỗi buổi tập học sinh nhất thiết phải thả lỏng, hồi tĩnh để đưa cơ thể từ trạng thái động sang trạng thái bình thường, trước vận động.

Các động tác thả lỏng, hồi tĩnh: Hít thở sâu, tại chỗ thả lỏng các nhóm cơ tay, chân; các động tác căng giãn cơ.

-----HẾT-----

***** HỌC SINH GHI CHÉP LẠI CÂU HỎI, THẮC MẮC LIÊN QUAN ĐẾN CÁC BỘ MÔN
THEO MẪU DƯỚI ĐÂY!!!**

TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN PHÚ

Họ và tên HS:

Lớp:

STT	Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
1	Ngữ văn		
2	Toán		
3	Vật lý		
4	Hóa học		
5	GDCD		

6	Tin học		
7	Công nghệ		
8	Sinh học		
9	Mỹ thuật		
10	Thể dục		
11	Tiếng Anh		

12	Lịch sử		
13	Địa lý		